

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2023/QĐVDS-ST

Ngày: 16/01/2023

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên họp:* Bà Lâm Thị Thanh Nhân
- *Thư ký phiên họp:* Bà Trần Thị Hồng Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên họp:* Bà Vũ Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 về việc: Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật theo Quyết định mở phiên họp số 01/2023/QĐST-VDS ngày 09 tháng 12 năm 2023.

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- + Ông Vũ Văn V; sinh năm 1969; Địa chỉ: phố P, phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; (vắng mặt).
- + Bà Phạm Thị K; sinh năm 1969; Địa chỉ: phố P, phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai có trong hồ sơ việc dân sự, người yêu cầu là anh Vũ Văn V và chị Phạm Thị K trình bày: Anh Vũ Văn V và chị Phạm Thị K kết hôn ngày 12/9/1988 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có tổ chức đám cưới theo phong tục tại địa phương. Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh V chưa đủ 20 tuổi nhưng vẫn đăng ký kết hôn. Anh V sinh ngày 05/10/1969 là chưa đủ điều kiện đăng ký kết hôn. Ủy ban nhân dân phường N vẫn làm thủ tục đăng ký kết hôn và cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh V, chị K. Đối với chị K theo giấy xác nhận thông tin về cư trú; Căn cước công

dân chị K sinh ngày 05/9/1969 tuy nhiên trong giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của anh V và chị K thì chị K được thể hiện sinh năm 1970 V vậy năm sinh của chị K trong Giấy chứng nhận kết hôn số 76 quyển số 01 ngày 12/9/1988 là năm 1970 khác với ngày tháng năm sinh của chị K trong Giấy căn cước công dân và giấy xác nhận thông tin cư trú. Sau khi kết hôn anh V, chị K chung sống hạnh phúc đến nay đã sinh được 2 người con chung. Do anh V chưa đủ tuổi và năm sinh của chị K trong Giấy chứng nhận kết hôn của chị K không đúng thực tế và không đúng với năm sinh trong Căn cước công dân, Giấy xác nhận thông tin cư trú nên anh chị gặp khó khăn khi thực hiện giao dịch dân sự. Do đó anh V, chị K làm đơn yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh V và chị K đồng thời đề nghị Tòa án công nhận hôn nhân của anh chị hợp pháp kể từ thời điểm chị K và anh V đủ điều kiện kết hôn theo quy định.

Tại biên bản xác minh ngày 09/01/1988 Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Ninh Bình cung cấp: Anh Vũ Văn V và chị Phạm Thị K thường trú tại phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Tại sổ đăng ký kết hôn (từ tháng 05/1986 đến tháng 7/1994) Ngày 12/9/1988 anh Vũ Văn V sinh năm 1969 và chị Phạm Thị K sinh năm 1970 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N tại quyển 01 năm 1986 toàn bộ thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật không còn lưu giữ tại Ủy ban nhân dân phường N mà chỉ còn lưu giữ sổ đăng ký kết hôn. Nguyên nhân sai năm của chị Phạm Thị K và chưa đủ tuổi của anh Vũ Văn V để đăng ký kết hôn ủy ban nhân dân phường N không nắm được và không có tài liệu nào thể hiện.

Ủy ban nhân dân phường N xác nhận: Chị Phạm Thị K, sinh năm 1970 trong Giấy chứng nhận kết hôn số 76 cấp ngày 12/9/1988 với chị Phạm Thị K, sinh năm 1969 trong Căn cước công dân và giấy xác nhận nơi cư trú và các giấy tờ khác của chị K là cùng của một người là Phạm Thị K sinh năm 1969

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người yêu cầu anh Vũ Văn V và chị Phạm Thị K đã tuân theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết việc dân sự: Áp dụng các Điều 149, 366, 370 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; điểm a khoản 1 Điều 8, khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh Vũ Văn V và chị Phạm Thị K. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Văn V và chị Phạm Thị K được xác lập kể từ ngày 06/10/1988.

- Lệ phí : Anh Vũ Văn V và chị Phạm Thị K phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Anh Vũ Văn V và chị Phạm Thị K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình thụ lý đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

1.2. Người yêu cầu là anh Vũ Văn V và chị Phạm Thị K vắng mặt tại phiên họp và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên họp theo quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật:

Theo Căn cước công dân và giấy xác nhận thông tin cư trú và các giấy tờ liên quan đến anh Vũ Văn V và chị Phạm Thị K cũng như lời trình bày của chị K, anh V thì sinh ngày 06/10/1969. Tuy nhiên anh Vũ Văn V và chị Phạm Thị K đăng ký kết hôn ngày 12/9/1988 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 76, quyển số 01 của Ủy ban nhân dân phường Ninh Phong, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh V chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 là “ *Nam từ 20 tuổi trở lên.....* ”. Như vậy việc kết hôn giữa anh Vũ Văn V và chị Phạm Thị K là trái pháp luật do anh V vi phạm về độ tuổi kết hôn. Do đó, việc Vũ Văn V và chị Phạm Thị K có yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Vũ Văn V và chị Phạm Thị K là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân từ thời điểm anh Vũ Văn V đủ tuổi kết hôn theo quy định pháp luật: Tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu việc kết

hôn trái pháp luật thì anh V và chị K đã có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Anh V, chị K vẫn sống chung hạnh phúc, đã có 2 con chung và anh chị đều đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp kể từ thời điểm anh V đủ tuổi đăng ký kết hôn.

Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 và điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn: *“Trường hợp tại thời điểm kết hôn, hai bên kết hôn không có đủ điều kiện kết hôn nhưng sau đó có đủ điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình thì Tòa án xử lý như sau:*

a, Nếu hai bên cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án quyết định công nhận quan hệ hôn nhân đó kể từ thời điểm các bên kết hôn có đủ điều kiện kết hôn.”

Căn cứ vào quy định trên thì cần công nhận quan hệ hôn nhân giữa Vũ Văn V và chị Phạm Thị K là hợp pháp kể từ ngày anh Vũ Văn V “*từ 20 tuổi trở lên*”, đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986, tức là ngày 06/10/1988

[3] Lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Vũ Văn V và chị Phạm Thị K phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Anh Vũ Văn V và chị Phạm Thị K có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 149, Điều 370 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Vũ Văn V và chị Phạm Thị K theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 76, quyển số 01 năm 1988 của Ủy ban nhân dân phường Ninh Phong, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa anh Vũ Văn V sinh ngày 05/10/1969 và chị Phạm Thị K sinh ngày 05/10/1969 kể từ ngày 06-10-1988.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Vũ Văn V và chị Phạm Thị K phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Số

tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001003 ngày 05/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định. Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị Quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- Chi cục THADS thành phố Ninh Bình
- VKSND thành phố Ninh Bình
- Người yêu cầu
- UBND phường
- Ninh Bình
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã Ký)

Lâm Thị Thanh Nhàn

